

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2020

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hiền;
2. Bà Ngô Thị Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh V,

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị L,

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Trong nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai, ý kiến trình bày tại Tòa án, nguyên đơn – anh Trần Minh V yêu cầu, trình bày: Anh (V) và chị Bùi Thị L tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 12-9-2002, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà Anh ở thôn N, xã V. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, đặc biệt là từ năm 2017 đến nay ngày càng trở nên căng thẳng; nguyên nhân là do chị L không chung thủy, Anh đã động viên, khuyên nhủ nhưng chị L vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống

chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng của Anh đối với chị L ngày một phai nhạt, cho đến nay Anh không còn tình cảm vợ chồng với chị L nữa. Anh (V) xét thấy tình trạng quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Bùi Thị L.

Về con chung: Anh Trần Minh V và chị Bùi Thị L có 02 con là Trần Thế K, sinh ngày 21-7-2003 và Trần Tiến D, sinh ngày 29-9-2005; anh V có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thế K, giao con Trần Tiến D cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tuy nhiên, theo nguyện vọng của các con, Anh đồng ý để các con ở với mẹ (giao chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng) và tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con.

Về tài sản chung: Anh Trần Minh V khởi kiện yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung gồm: 01 máy gặt đập liên hợp BUKUTA DC35, trị giá 20.000.000 đồng; 01 máy D9, trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ máy cắt, hàn xì, trị giá 3.000.000 đồng; Tivi, tủ lạnh và một số vật dụng khác trị giá 10.000.000 đồng – yêu cầu chia đôi theo quy định của pháp luật.

Ngày 31-12-2019, anh V có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút toàn bộ phần yêu cầu về phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa; hai bên sẽ bàn bạc tự thỏa thuận phân chia.

Bị đơn-chị Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối viết Bản tự khai, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải; từ chối tham gia giải quyết vụ án tuy đã được Tòa án giải thích, triệu tập, yêu cầu; không có kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn (anh Trần Minh V): Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; lời khai, ý kiến đã trình bày tại Tòa án: Anh không còn tình cảm vợ chồng với chị L, tình trạng quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xử cho Anh được ly hôn chị Bùi Thị L.

Về con chung: Chấp nhận theo nguyện vọng của các con, giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con là Trần Thế K và Trần Tiến D; Anh tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài chung: Đã rút yêu cầu khởi kiện để hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

- Bị đơn (chị Bùi Thị L) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; không có lời khai, ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về việc tiến hành tố tụng: Việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng chấp hành, tiến hành, thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn được đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng giữa anh V và chị L không còn, tình trạng quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V; áp dụng Điều 51, Điều 56 xử cho anh V được ly hôn chị L là hợp lý. Về con chung, chấp nhận theo nguyện vọng của các con của anh V, chị L và ý kiến của anh V, giao các con chung là Trần Thế K và Trần Tiến D cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V tự nguyện cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, không có đương sự yêu cầu nên đình chỉ, không phải giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

- Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “ly hôn”; các đương sự đều có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gặp trực tiếp; tổng đạt trực tiếp, tổng đạt qua đường Bưu điện văn bản tố tụng nhưng Bị đơn (chị Bùi Thị L) không hợp tác, không chịu làm việc với Tòa án, không nhận văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, không viết bản tự khai, không chịu khai báo, vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; vụ án không tiến hành hòa giải được; vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị Bùi Thị L.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Trần Minh V:

Yêu cầu giải quyết ly hôn: Anh Trần Minh V và chị Bùi Thị L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Minh V - chị Bùi Thị L đã đến mức căng thẳng, anh V cho rằng chị L không chung thủy, ngoại tình nhiều lần, Anh đã có ý kiến nhưng chị L không thay đổi nên tình cảm vợ chồng của Anh đối với chị L không còn, tình trạng quan hệ vợ chồng không thể cải thiện được; vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình trạng quan hệ hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn giữa anh Trần Minh V và chị Bùi Thị L.

Yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung: Anh Trần Minh V và chị Bùi Thị L có 02 con chung là Trần Thế K và Trần Tiến D, đều chưa thành niên, đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, sau khi bố mẹ ly hôn; anh V chấp nhận theo nguyện vọng của các con nên chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu, giao các cháu Trần Thế K và Trần Tiến D cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con, cho đến khi các con trưởng thành.

Về yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung: Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung nên áp dụng tương tự pháp luật, đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn – anh Trần Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn, án phí về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh Trần Minh V và chị Bùi Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con Trần Thế K, Trần Tiến D. Anh Trần Minh V có nghĩa vụ

cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi con, từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Các bên đương sự có nghĩa vụ, quyền về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, đình xét xử việc phân chia tài sản chung của đương sự. Các đương sự có quyền khởi kiện tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn để giải quyết trong một vụ án khác.

4. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh Trần Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng. Số tiền án phí anh Trần Minh V phải nộp được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 775.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004800, ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình; anh Trần Minh V được nhận lại 175.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo